

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ', TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sang.
2. Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1994;

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có mặt, anh H2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H2 tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 31/3/2015. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh H2 ở thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống đến giữa năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H2 chơi bời cờ bạc, bỏ bê gia đình, nợ nần. Chị và gia đình đã góp ý, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H2 không thay đổi. Do vậy, cuộc sống hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được. Ngày 25/5/2019, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư ở; vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Anh H2 có nhắn tin cho chị nói rút đơn về đoàn tụ nhưng khi gia đình chị gọi anh H2 đến phân tích H2 giải thì anh H2 không có ý kiến gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H2.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H2 có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 04/12/2015 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 25/4/2018. Hiện nay, con H1 đang ở với anh H2, con N đang ở với chị. Ly hôn, nguyện vọng của chị muốn nuôi cả hai con, nhưng chị cũng biết nguyện vọng của anh H2 muốn nuôi con H1 nên chị đồng ý để anh H2 tiếp tục nuôi con H1, chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con N, không ai phải góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H2 không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Văn H2 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để nộp bản tự khai, trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa, nhưng anh H2 đều vắng mặt không lý do. Vì vậy anh H2 không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

*** Anh Nguyễn Văn M là anh trai của anh Nguyễn Văn H2 trình bày:** Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị H và anh H2 như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh H2 và chị H sống cùng bố mẹ đẻ anh, ngay cạnh nhà của anh. Anh H2 và chị H chung sống được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn nhưng đều là những mâu thuẫn nhỏ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H2 chơi bời, tụ tập bạn bè nên vợ chồng bắt H2 về chi tiêu trong gia đình. Anh và gia đình anh có khuyên bảo, động viên nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng anh chị chưa giải quyết được. Đến tháng 5/2019, chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, hiện tại vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau. Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh H2, anh H2 đã nhận được và đã biết về việc

chị H xin ly hôn anh. Tuy nhiên, hiện nay anh H2 bận đi làm công ty, không xin nghỉ được. Anh H2 có nói lại với anh là anh không muốn xa vợ xa con nên xin được đoàn tụ. Đến nay, chị H có đơn xin ly hôn anh H2, anh đề nghị Tòa án H2 giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ theo nguyện vọng của anh H2. Về con chung, anh H2 và chị H có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 04/12/2015 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 25/4/2018. Nếu ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho anh H2 nuôi con H1, chị H nuôi con N. Về tài sản, anh H2 và chị H không có tài sản chung, quá trình chung sống với bố mẹ anh, anh chị không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ anh.

*** *Quá trình xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân xã T và cơ sở thôn B, xã T trình bày:*** Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị H và anh H2 như chị H trình bày. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, xuất phát từ việc bất đồng quan điểm về chi tiêu trong gia đình, về lối sống của vợ chồng, chị H không đồng ý về việc anh H2 chơi bời, tụ tập bạn bè. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình, họ hàng khuyên bảo nhưng không có kết quả. Đến tháng 5/2019, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Bách Thuận sinh sống đến nay vẫn chưa quay lại. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh H2, địa phương đề nghị Tòa án H2 giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về con chung, anh H2 và chị H có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 04/12/2015 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 25/4/2018. Nếu ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con là hợp lý vì cả hai đều có đủ điều kiện nuôi con tốt. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H2 không có tài sản chung là bất động sản tại địa phương, không có vay nợ tài sản của các tổ chức tín dụng, đoàn thể tại địa phương.

*** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng về thụ lý, thẩm quyền, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh H2. Về quan hệ con chung: đề nghị Tòa án giao con H1 cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H, anh H2 không pH góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu. Án phí: Chị H pH nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, chị Trần Thị H khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, xin nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Văn H2 cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn H2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nhất là trong việc chơi bời bạn bè của anh H2 và việc chi tiêu kinh tế trong gia đình. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ chị sống từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Khi chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị H ở thì anh H2 cũng không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng anh chị. Tòa án đã triệu tập anh H2 nhiều lần nhưng anh H2 không đến Tòa án, chứng tỏ anh H2 không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh H2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu có tiếp tục chung sống cũng không thể có hạnh phúc, vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh H2 là phù hợp.

[3.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn H2 có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 04/12/2015 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 25/4/2018. Xét thấy cả anh H2 và chị H đều có đủ điều kiện nuôi con nên giao con H1 cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Anh H2, chị H không phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Anh Nguyễn Văn H2 không có lời trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ để xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của chị H và anh H2. Do đó cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H2.

[2]. Về quan hệ con chung:

Giao con Nguyễn Văn H, sinh ngày 04/12/2015 cho anh Nguyễn Văn H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 25/4/2018 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; Anh H2, chị H không phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị H và anh H2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị H và anh H2 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003455 ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; chị H đã nộp đủ án ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: xx quyền 01/2015 ngày 31/3/2015);
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương